BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN – GIẢM HỌC PHÍ KHÓA 39

(Kèm theo Quyết định số: 3439/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ XÁC MINH	DIỆN			GHI CHÚ
					Miễn	Giảm 50%	Giảm 70%	
1.	Bùi Thị Lệ Thủy	390118	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
2.	Nguyễn Văn Hòa	390218	DTTS. Hộ nghèo 2017	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận	x			MHP kỳ 1 (17 – 18)
3.	Triệu Thị Nhung	390341	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
4.	Nông Thị Nụ	390435	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
5.	Hà Thị Uyên	390608	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
6.	Nông T Huyền Ngọc	390703	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
7.	Nông Thị Hà	391037	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
8.	Hứa T Kim Oanh	391309	DTTS. Hộ nghèo 2017	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận	x			MHP kỳ 1 (17 – 18)
9.	Nông Việt Hương	391712	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
10.	Hoàng Thị Xuyến	391810	DTTS. Hộ cận nghèo 2017	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận	x			MHP kì 1 (17 – 18)
11.	Trần T Bảo Chăm	392107	DTTS. Hộ nghèo 2017	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận	x			MHP kì 1 (17 – 18)
12.	Nông Thị Quỳnh	392136	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
13.	Quách Thị Dung	392215	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
14.	Nguyễn Dịu Hà	392306	DTTS. Vùng 135	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận			x	
15.	Triệu Mùi Sao	392714	DTTS. Hộ cận nghèo 2017	Đơn. Khai sinh sao. Giấy chứng nhận	x			MHP kì 1 (17 – 18)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Tiến Châu

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN – GIẢM HỌC PHÍ KHÓA 40

(Kèm theo Quyết định số: 3439/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

TT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ XÁC NHẬN	DIỆN			GHI CHÚ
					Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%	
1	Phạm Thị Thanh Hải	400159	Con người bị TNLĐ	Đơn, KS sao, HK sao, GCN TNLĐ			x	
2	Âu Thị Sen	400255	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
3	Lý Thị Ghển	400257	DTTS; Hộ nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN Hộ nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
4	Hoàng Thị Hằng	400341	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
5	Hoàng Thùy Dung	400349	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
6	Vy Mỹ Linh	400417	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
7	Phạm Thị Hồng Nhung	400543	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
8	Quan Thủy Ngân	400653	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
9	Phùng Minh Dũng	400961	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
10	Hoàng Thị Linh Chi	401254	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
11	Hoàng Văn Toàn	401345	DTTS; Cận nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN cận nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
12	Lương Thị Huyền Trang	401458	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
13	Đàm Thị Mỹ Linh	401464	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
14	Lâm Thị Vượng	401471	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
15	Hoàng Thị Lê Na	401568	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
16	Thào A Pó	401654	DTTS; Hộ nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN Hộ nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
17	Hứa Thị Thảo Ly	401831	DTTS; Cận nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN cận nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
18	Nông Thị Thanh Xoan	401971	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
19	Nguyễn Văn Long	401973	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
20	Phạm Thị Sinh	402008	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
21	Ma Thị Diệu Huyền	402048	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
22	Nguyễn Thu Trang	402257	DTTS; Cận nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN cận nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
23	Bùi Thị Hà	402348	DTTS; Cận nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN cận nghèo	x			MHP HK I 2017-2018

24	Chu Thị Liên	402431	DTTS; Hộ nghèo	Đơn; KS sao; HK sao; GCN Hộ nghèo	x			MHP HK I 2017-2018
25	Hoàng Thị Hải Vân	402470	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
26	Nông Thị Đào	402649	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
27	Hoàng Thị Hằng	402753	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
28	Lù Thị Trang	402758	DTTS; Vùng 135	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng 135		x		
29	Triệu Thùy Linh	403262	DTTS; Vùng KTĐBKK	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng KTKK		x		
30	Dương Văn Tuấn	403430	DTTS; Vùng KTĐBKK	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng KTKK		x		
31	Trần Thị Linh Diệp	403547	DTTS; Vùng KTĐBKK	Đơn, KS sao, HK sao, GCN vùng KTKK		x		

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Tiến Châu

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 41 ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3439/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Họ và tên	MSSV	Đối tượng	Giấy tờ xác nhận	Diện			Ghi chú
					Miễn	Giảm 50%	Giảm 70%	
1.	Hạc Thị Hạnh	410120	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
2.	Nông Thị Trang	410231	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
3.	Nguyễn Ngọc Tú	410353	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
4.	Đàm Thị Đào	410526	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
5.	Lường T Phương Hoa	410622	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
6.	Bùi Thị Linh	410649	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
7.	Hoàng Như Quỳnh	410755	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
8.	Hoàng T Hằng Nga	410817	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
9.	Lưu Thị Trưng	410831	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng BĐKK			x	
10.	Phùng Đức Toản	410951	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
11.	Nông Mạnh Quang	411005	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
12.	Nông Thị Ngân	411029	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
13.	Nông Thị Hoài	411222	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
14.	Lương Thị Kim	411317	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
15.	Sùng T Thu Phương	411351	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
16.	Lệnh Kim Tuyến	411416	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
17.	Lý Thị Hồng Nhung	411431	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
18.	Nông Thị Đôi	411455	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			

19.	Lừ Thị Thảo	411551	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
20.	Bế Khánh Hường	411839	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
21.	Dương Thị Tấm	411854	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
22.	Nguyễn Diệu Thu	411950	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
23.	Nông Thị Tú Anh	412015	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
24.	Lý Thị Ánh Tuyết	412020	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
25.	Phạm Thục Nguyên	412054	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
26.	Bùi Thị Thu Hương	412122	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
27.	Ma Văn Hùng	412314	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
28.	Hoàng Thị Huyền	412347	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
29.	Vi Thị Chiên	412422	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ cận nghèo	x			
30.	Hoàng Thị Thu Trang	412428	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
31.	Bùi Minh Anh	412438	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
32.	Hà Ngọc Anh	412508	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
33.	Trần Xuân Anh	412551	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN cận nghèo	x			
34.	Nông Thị Thu	412623	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
35.	La Thị Lâm	412633	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
36.	Lý Nguyệt Ánh	412645	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
37.	Nông Đức Hoành	412833	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
38.	Vương Kiều Linh	412910	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
39.	Tô Anh Thư	413101	Con người bị TNLĐ	Đơn. Khai sinh sao. Sổ ưu đãi		x		

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Tiến Châu

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP LIÊN THÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3439/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Họ và tên	MSSV	Đối tượng	Giấy tờ xác nhận	Diện			Ghi chú
					Miễn	Giảm 50%	Giảm 70%	
40.	Nguyễn Đức Bình	LTCQ0104	Con thương binh	Đơn. Khai sinh sao. GCN thương binh	x			
41.	Đặng Quý Chạn	LTCQ0105	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
42.	Hướng Viết Chiến	LTCQ0106	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
43.	Bùi Khắc Đạt	LTCQ0109	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
44.	Hoàng Thị Hòa	LTCQ0118	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
45.	Lò Văn Kim	LTCQ0126	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
46.	Hoàng Văn Mạnh	LTCQ0132	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
47.	Nay H'Oan	LTCQ0138	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
48.	Hoàng Lệ Thùy	LTCQ0146	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
49.	Bế Văn Hồng Khang	LTCQ01	DTTS. Vùng ĐBKK	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK			x	
50.	Giàng A Sà	LTCQ01	DTTS. Hộ nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN hộ nghèo	x			
51.	Lý Diệu Linh	LTCQ01	DTTS. Hộ cận nghèo	Đơn. Khai sinh sao. GCN vùng ĐBKK	x			

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Tiến Châu